**Bài 3 :**

| **Use Case A** | **Use Case B** | **Mối quan hệ** | **Giải thích** |
| --- | --- | --- | --- |
| Đặt hàng | Kiểm tra giỏ hàng | **include** | Khi người dùng muốn đặt hàng, hệ thống cần **bao gồm** bước kiểm tra giỏ hàng để xác nhận sản phẩm, số lượng và tổng tiền trước khi tiến hành đặt hàng. |
| Đặt hàng | Đề xuất hoá đơn | **include** | Quá trình đặt hàng **bao gồm** việc hệ thống tự động tạo hoặc đề xuất hoá đơn thanh toán cho người dùng. |
| Xem đánh giá | Đặt hàng | **extend** | Sau khi người dùng đã đặt hàng, họ **có thể mở rộng** hành động bằng cách xem đánh giá sản phẩm từ những người mua khác (không bắt buộc trong quá trình đặt hàng). |
| Kiểm tra giỏ hàng | Xem đánh giá | **extend** | Trong quá trình kiểm tra giỏ hàng, người dùng **có thể mở rộng** hành động để xem đánh giá sản phẩm trước khi quyết định mua. |